

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN T  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản số: 109/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28-4-2021

Về việc: “Xin ly hôn...” .

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Bích Thủy

*Các Hội thẩm nhân dân:* - Ông Phạm Thành Nghĩa

- Bà Trần Thị Minh Thâm

***-Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:*** Ông Tô Tấn Cường– Cán bộ Toà án nhân dân Huyện T, tỉnh Bình Định.

***-Đại diện VKSND Huyện T tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Công Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện T, tỉnh Bình Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 317/2020/TLST-HNGĐ, ngày 09-11-2020, về việc: “Xin ly hôn, chia tài sản chung”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 366/2021/HNGĐ-ST, ngày 31 tháng 3 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 451/2021/QĐST-DS, ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân Huyện T, tỉnh Bình Định; giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 1994, có mặt

Địa chỉ: Thôn G, xã P, Huyện T, tỉnh Bình Định.

*Bị đơn:* Anh Nguyễn Tiến Tr, sinh năm 1989, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn K, xã Ph, Huyện T, tỉnh Bình Định.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Đặng Thị T1, sinh 1969, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn K, xã Ph, Huyện T, tỉnh Bình Định.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 10 năm 2020, tại các bản khai và tại phiên tòa hôm nay Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy D trình bày: Giữa chị với anh NguyễnTiến Triều qua mai mối và kết hôn năm 2019 đăng ký kết hôn tại UBND xã Ph vào ngày 15-01-2019. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống nhà cha mẹ chồng, nhưng chồng chị không yêu thương quan tâm thật lòng mà luôn mê tín, nghe lời mẹ

chồng, anh Tr đã làm tổn thương tình cảm vợ chồng, vì cho rằng chị không hợp tuổi, về nhà anh làm gia đình anh không tốt. Trong cuộc sống vợ chồng anh Tr không tôn trọng chị. Mặc dù hai gia đình đã hòa giải, anh Tr và gia đình anh có mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng chị không đồng ý nên vợ chồng không thể hàn gắn. Vì vậy chị và anh Tr đã không chung sống từ gần 02 năm nay. Nay chị D thấy vợ chồng không có tình cảm với nhau nên chị xin ly hôn anh Tr.

Về quan hệ nuôi con chung: Vợ chồng chị không có con chung, nên không yêu cầu giải quyết.

Về quan hệ tài sản chung: Vợ chồng chị có 01 cây vàng 24k là vàng cưới. Sau khi chị về làm dâu, mẹ chồng là Đặng Thị T1 bảo đưa bà giữ nên chị đã đưa cho bà. nay bà Tám không có mặt tại Tòa thì chị xin rút không yêu cầu Tòa giải quyết. Về nợ chung, chị D khai quá trình vợ chồng chung sống không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa giải quyết. Ngoài ra chị D không khai và không yêu cầu gì khác.

Đối với bị đơn Nguyễn Tiến Tr và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị T1 vắng mặt tại phiên tòa. Mặc dù Tòa án đã tiến hành thực hiện việc tổng đạt và niêm yết nhiều lần theo quy định pháp luật nhưng bị đơn anh Tr và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tám vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của chị D.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện T, tỉnh Bình Định:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu của chị D ly hôn với anh Tr. Về quan hệ nuôi con chung: không có con chung nên đề nghị không xét. Về quan hệ tài sản chung: Chị D khai có tài sản chung 01 cây vàng do bà Đặng Thị T1 cất giữ, nhưng tại Phiên tòa chị D xin rút yêu cầu này nên đề nghị Tòa đình chỉ yêu cầu này. Về nợ chung chị D khai không có nợ chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Thùy D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn là anh Nguyễn Tiến Tr cư trú tại thôn K, xã Ph, Huyện T, tỉnh Bình Định nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Huyện T, tỉnh Bình Định theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn anh Nguyễn Tiến Tr và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị T1 vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử

căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, vẫn tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Về nội dung vụ án:

[2].1 Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thùy D thì Hội đồng xét xử thấy rằng: Giữa chị Nguyễn Thị Thùy D và anh Nguyễn Tiến Tr do mai mối và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 15-01-2019 tại Ủy ban nhân dân xã Ph, Huyện T, tỉnh Bình Định nên hôn nhân giữa chị D và anh Tr là hợp pháp. Theo chị D khai trong thời gian sống chung ở nhà cha mẹ chồng một thời gian, sau đó anh Tr không quan tâm thương yêu cũng không tôn trọng chị mà nghe lời mẹ chồng, nên chị đã bỏ về nhà cha mẹ chị ở Thôn G, xã P, Huyện T nên vợ chồng không còn sống chung từ năm 2020 cho tới nay. Trong khi Tòa án tiến hành tổng đạt, niêm yết các thủ tục về việc xin ly hôn của chị D tại địa phương nơi anh Tr cư trú nhưng anh Tr vẫn không đến Tòa, cũng không có bản trình bày ý kiến. Điều này chứng tỏ anh Tr không mong muốn vun đắp cuộc hôn nhân này. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào lời khai của chị D và biên bản xác minh cho thấy tình trạng hôn nhân giữa chị D và anh Tr đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, nếu duy trì cuộc hôn nhân này cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai. Nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình, cho chị D được ly hôn anh Tr.

[2].2 Về quan hệ nuôi con chung: Chị D và anh Tr không có con chung nên Tòa không xét.

[2].3 Về tài sản chung và nợ chung: Chị D khai có tài sản chung là 01 cây vàng 24 K là vàng cưới, do bà Đặng Thị T1 giữ. Nay bà Tám vắng mặt nên chị xin rút yêu cầu này không yêu cầu Tòa giải quyết. Nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 217 BLTTDS đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của chị D. Về nợ chung theo chị D khai vợ chồng không có nợ chung nên Tòa không xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc chị D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn để sung vào Ngân sách Nhà nước. Tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001034, ngày 17-3-2021, biên lai thi thu tiền số 0000864, ngày 09-11-2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự Huyện T được khấu trừ vào án phí ,nên hoàn lại cho chị D 1.250.000đ.

*Vì các lẽ trên:*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39, 217, 227 BLTTDS; Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Thùy D ly hôn anh Nguyễn Tiến Tr.

[2] Về quan hệ nuôi con chung: Chị D và anh Tr không có con chung nên Tòa không xét.

[3] Về quan hệ tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của chị D.

Đương sự có quyền khởi kiện lại yêu cầu này theo quy định của pháp luật.

[4] Về án phí DSST: Buộc chị D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn để sung vào Ngân sách Nhà nước. Tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp 1.550.000đ theo biên lai thu tiền số 0001034, ngày 17-3-2021, biên lai thi thu tiền số 0000864, ngày 09-11-2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự Huyện T được khấu trừ vào án phí, nên hoàn lại cho chị D 1.250.000đ.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại Tòa được quyền kháng cáo Bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 28/4/2021). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết hoặc tổng đạt hợp lệ.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận :**

-Các bên đương sự  
-VKSND Huyện T  
-Chi cục THADS Huyện T  
-Phòng GD&ĐT TAND tỉnh Bình Định .  
-UBND xã Ph  
Số 13, ngày 15-01-2019)  
-Lưu hồ sơ .

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Bích Thủy**

**Thành viên Hội đồng xét xử**

**Thẩm phán–Chủ Tọa Phiên Tòa**

**Trần Thị Bích Thủy**





